TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS - ST
Ngày: 28-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Quy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong; 2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc– Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 116/2023/TLST–DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST–DS, ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh Th, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Minh Th là nguyên đơn trình bày:

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 (nhằm ngày 09/02/2023 âm lịch) ông Lê Minh Th và ông Lê Văn L thống nhất với nhau về việc mua bán lúa. Cụ thể: Ông Th bán cho ông L, giống lúa RVT, lúa tươi, tổng trọng lượng 5.223kg, giá 7.000 đồng/kg bằng số tiền là 36.561.000 đồng. Ông L mua lúa xong nói là không đủ tiền trả, sáng hôm sau sẽ trả, ông Th đồng ý. Nhưng mãi đến khoảng 01 tháng sau ông L mới chỉ trả được 10.000.000 đồng, còn nợ ông Thị 26.561.000 đồng đến nay không trả dù ông Th đòi nhiều lần. Nay ông Th yêu cầu ông Lê Văn L trả số tiền mua lúa của ông Th còn nợ là 26.561.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Văn L không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đến Tòa án dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Minh Th.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa được tóm tắt như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền 26.561.000 đồng. Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Minh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Lê Văn L đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Th và ông L; Về thẩm quyền giải quyết: Ông L thường trú tại Ấp Đ, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Th yêu cầu ông L trả tiền mua lúa của ông nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Th xác định ngày 28/3/2023 ông đã bán và giao đủ lúa cho ông L với tổng trọng lượng 5.223kg, giá bán 7.000 đồng/kg bằng số tiền là 36.561.000 đồng nhưng ông L chỉ trả ông được 10.000.000 đồng còn nợ lại 26.561.000 đồng nên ông Th yêu cầu ông L tiếp tục trả số tiền còn nợ. Cùng với đơn khởi kiện, ông Th cung cấp cho Tòa án bản sao văn bản đề ngày 28/3/2023. Nội dung văn bản này thể hiện ông L có mua 5.223kg lúa với giá 7.000 đồng/kg bằng số tiền 36.561.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định vào ngày 28/3/2023 giữa ông Th và ông L có diễn ra giao dịch mua bán lúa. Hợp đồng mua bán lúa giữa ông Th với ông L đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và 440 Bộ luật Dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, ông L được Tòa án tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử,… nhưng ông vẫn không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, lời khai của ông Th phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, cũng như sự im lặng của ông L không phản bác yêu cầu khởi

kiện của ông Th là đủ cơ sở xác định ông L có nợ tiền mua lúa của ông Th như ông đã yêu cầu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Th có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.328.000 đồng, ông Th không phải chịu.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án, là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th.

1. Buộc ông Lê Văn L trả cho ông Lê Minh Th số tiền 26.561.000 đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Văn L nộp 1.328.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Văn Quy